TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TÂN UYÊN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2025/HNGĐ-ST
Ngày 27-3-2025
V/v ly hôn và tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chữ Cần

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đăng Thành;

2. Ông Nguyễn Thanh Cần.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Lềnh Khâm Vĩ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên tham gia phiên tòa*:** Ông Trương Văn Thế - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Tân Uyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 403/2024/TLST-HNGĐ, ngày 23 tháng 10 năm 2024 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/02/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Lệ T, sinh năm 1988, thường trú: ấp K, xã Đ, huyện C, tỉnh Cà Mau; tạm trú: tổ D, khu phố T, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt;

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1985, thường trú: ấp K, xã Đ, huyện C, tỉnh Cà Mau; tạm trú: nhà trọ Sằn Hậu T2, tổ D, khu phố T, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn bà Nguyễn Lệ T trình bày:*

Bà Nguyễn Lệ T và ông Nguyễn Văn T1 quen biết và có tình cảm với nhau

từ năm đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 33 quyển số 01 ngày 14/5/2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống xã Đ, huyện C, tỉnh Cà Mau. Quá trình chung sống, cuộc sống gia đình ổn định, bà Thủy sinh 02 con chung tên Nguyễn Huyền T3, sinh ngày 30/11/2008 và Nguyễn Trọng T4 sinh ngày 13/11/2011. Đến năm 2022, ông T1, bà T chuyển đến tổ D, khu phố T, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương sinh sống. Đến khoảng đầu năm 2024, giữa bà T và ông T1 thường xuyên xảy ra cãi nhau, bất đồng trong cuộc sống, không còn quan tâm đến nhau, ông T1 có nhiều lời lẽ xúc phạm, không tin tưởng sự chung thủy của bà T, thậm chí có hành vi vũ lực xâm phạm thân thể, tài sản của bà T. Đến tháng 7/2024 bà T dọn ra sống ở khu trọ khác, không sống chung (ly thân) với ông T1, bỏ mặc, không chăm sóc lẫn nhau. Hiện tại tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu giải quyết những vấn đề sau:

- Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Lệ T yêu cầu được ly hôn ông Nguyễn Văn T1.

- Về con chung: Bà Nguyễn Lệ T đề nghị Tòa án giao con tên Nguyễn Huyền T3, sinh ngày 30/11/2008 cho bà Nguyễn Lệ T trực tiếp nuôi dưỡng, đồng ý giao cháu Nguyễn Trọng T4, sinh ngày 13/11/2011 (hiện đang sinh sống với ông T1), cho ông T1 trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu tòa án giải quyết.

- *Bị đơn ông Nguyễn Văn T1:* Không có bản tự khai, không đến Tòa án làm việc.

- *Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa:*

Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định. Đại diện Viện kiểm sát không có kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Lệ T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình mà bị đơn cư trú tại thành phố T và nguyên đơn đề nghị TAND thành phố Tân Uyên giải quyết. Căn cứ vào Điều 28, 35 và 39 của

Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T1 được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành thủ tục xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 227 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung vụ án:* Bà Nguyễn Lệ T và ông Nguyễn Văn T1 có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau vào ngày 14/5/2009 theo Giấy đăng ký kết hôn số 33, quyển số 01, đây là hôn nhân hợp pháp. Theo bà T trình bày, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn vì ông T1 ghen tuông, không tin tưởng bà T, có hành vi lời lẽ xúc phạm, hành hung bà T, đập phá tài sản, vợ chồng thường xuyên xảy ra bất đồng trong cuộc sống. Bà T và ông T1 không còn sống chung với nhau (ly thân) từ tháng 7/2024. Khi bà T đề nghị ly hôn, ông T1 biết, nhưng không thể hiện sự thay đổi, dù được thông báo thụ lý vụ án và Tòa án đã nhiều lần tổ chức và triệu tập ông tham gia hòa giải nhưng ông đều không đến cũng không có bản tự khai trình bày nguyện vọng đoàn tụ, điều này đã cho thấy ông T1 đã không quan tâm đến cuộc hôn nhân với bà T, vợ chồng không còn yêu thương, chăm sóc nhau, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà T là có cơ sở để chấp nhận.

[3] Trong quá trình chung sống vợ chồng có con chung tên Nguyễn Huyền T3, sinh ngày 30/11/2008 và Nguyễn Trọng T4 sinh ngày 13/11/2011, trong đó cháu Nguyễn Huyền T3 đang sống chung với bà T còn cháu Nguyễn Trọng T4 sống với ông T1. Bà T đồng ý giao cháu Nguyễn Trọng T4 cho ông Nguyễn Văn T1 trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, cháu T3 đang sống với bà Nguyễn Lệ T còn cháu T4 hiện nay đang sống với ông T1 nên cần giữ ổn định về chỗ ở để không ảnh hưởng tâm lý, sự phát triển bình thường của các cháu, cần giao cháu Nguyễn Huyền T3 cho bà Nguyễn Lệ T tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng theo yêu cầu của bà T và nguyện vọng của cháu T3; và giao Nguyễn Trọng T4 cho ông T1 nuôi dưỡng. Ông T1 không đến Toà án trình bày về thu nhập, khả năng thực tế của ông T1 và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng là cháu T4, thực tế từ tháng 7 năm 2024 ông T1 đã trực tiếp nuôi cháu T4 mà không cần sự hỗ trợ từ bà T, bà T đề nghị không ai phải cấp dưỡng nuôi con là có phù hợp với thực tế nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Trường hợp sau này ông T1, bà T khó khăn hoặc nhu cầu cấp dưỡng của cháu T4, cháu T3 có sự thay đổi thì ông T1, bà T có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con trong một vụ án khác.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Lệ T phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 228, Điều 266, Điều 269, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Lệ T về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con với bị đơn ông Nguyễn Văn T1.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Lệ T được ly hôn với ông Nguyễn Văn T1.

- Về con chung:

Giao con chung tên Nguyễn Huyền T3, sinh ngày 30/11/2008 cho bà Nguyễn Lệ T trực tiếp nuôi dưỡng.

Giao cháu Nguyễn Trọng T4, sinh ngày 13/11/2011 cho ông Nguyễn Văn T1 được trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Nguyễn Văn T1, bà Nguyễn Lệ T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà Nguyễn Lệ T và ông Nguyễn Văn T1 đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người đang trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Lệ T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tại Biên

lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BLTU/24/0004465 ngày 18/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Tân Uyên;
- Chi cục THADS thành phố Tân Uyên;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Chữ Cần

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Huỳnh Sơn Tây

Lê Minh Hoàng

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn C Cần

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Tân Uyên;
- Chi cục THADS thành phố Tân Uyên;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Chữ Cần

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Tân Uyên;
- Chi cục THADS thành phố Tân Uyên;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Văn Trí